TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK MIL** **TỈNH ĐẮKNÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST
Ngày 06-5-2022
"V/v xin ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Sỹ Phác, ông Nguyễn Tiến Tịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 20/2022/TLST-HNGĐ ngày 26/01/2022; về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXX-ST ngày 31/3/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2022 ngày 20/4/2022, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thu T, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn Đức T, xã M, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.- Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Phan Hữu L, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn Đức T, xã M, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình làm việc tại Tòa án,chị Lê Thị Thu T (nguyên đơn) trình bày: Chị và Anh Phan Hữu L kết hôn ngày 10/8/2009 có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Hôn nhân của anh chị hoàn toàn tự nguyện. Anh chị có 03 người con chung là cháu Phan Thanh T, sinh ngày 03/2/2010; cháu Phan Lê N, sinh ngày 08/3/2016 và cháu Phan Duy K, sinh ngày 16/3/2019. Về nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, hay cãi vả dần dần lâm vào tình trạng trầm trọng không thể cứu vãn được nữa, cuộc sống hôn nhân lúc nào cũng thấy ngột

ngạt, dần dần tình cảm vợ chồng không còn nữa. Vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Phan Hữu L.

Về con chung: Chị xin giao cháu Phan Thanh T, sinh ngày 03/2/2010; cháu Phan Lê N, sinh ngày 08/3/2016 và cháu Phan Duy K, sinh ngày 16/3/2019 cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với Anh Phan Hữu L (bị đơn): trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đắk Milăk Mil đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; các giấy triệu tập và thông báo về phiên hòa giải đối với anh L, mặc dù đã nhận được các văn bản tố tụng do Tòa án tống đạt nhưng anh L cố tình vắng mặt không có lý do trong tất cả các lần triệu tập và hòa giải, xét xử tại Tòa án. Do anh L cố tình vắng mặt nên không có lời khai cũng như không cung cấp được cho Tòa án chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và phản bác lại đối với yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy, theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, anh L phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà phát biểu quan điểm về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chị Lê Thị Thu T đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn Anh Phan Hữu L đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào quy định tại Điều 51, 56, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thu T được ly hôn với Anh Phan Hữu L.

Về con chung: Giao cháu Phan Thanh T, sinh ngày 03/2/2010; cháu Phan Lê N, sinh ngày 08/3/2016 và cháu Phan Duy K, sinh ngày 16/3/2019 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: không có tài sản chung, không nợ ai và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì chị Lê Thị Thu T (nguyên đơn) phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1]Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Lê Thị Thu T yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Phan Hữu L, đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có đăng ký hộ khẩu và hiện đang sinh sống tại Thôn Đức T, xã M, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]Về sự vắng mặt của các đương sự: Chị Lê Thị Thu T vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên chị T đã có đơn xin xét xử vắng mặt gửi đến Tòa án. Đối với Anh Phan Hữu L (bị đơn) đã được Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil triệu tập hợp lệ đến 02 lần (tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa) để tham gia phiên tòa nhưng anh L cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

2. Về nội dung vụ án:

[4]2.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh L kết hôn với nhau vào ngày10/8/2009 có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Trong quá trình chung sống hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng đoàn tụ. anh chị đã không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, hôn nhân thật sự không đạt được mục đích. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Thu T.

[5]2.2 Về nuôi con chung: Các cháu Phan Thanh T, sinh ngày 03/2/2010; cháu Phan Lê N, sinh ngày 08/3/2016 và cháu Phan Duy K, sinh ngày 16/3/2019 hiện đang ở cùng với mẹ kể từ khi hai vợ chồng sống ly thân với nhau. Xét thấy, cần tiếp tục giao các cháu Phan Thanh T, sinh ngày 03/2/2010; cháu Phan Lê N, sinh ngày 08/3/2016 và cháu Phan Duy K, sinh ngày 16/3/2019 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp để tránh làm ảnh hưởng, xáo trộn cuộc sống của cháu.

[6]2.3 Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] 2.4 Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra để xem xét, giải quyết.

[8]**3. Về án phí:** Căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì chị Lê Thị Thu T phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghì đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm.

[9]Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên toà là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228; Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thu T về việc xin ly hôn.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị Thu T được ly hôn với Anh Phan Hữu L.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Thanh T, sinh ngày 03/2/2010; cháu Phan Lê N, sinh ngày 08/3/2016 và cháu Phan Duy K, sinh ngày 16/3/2019 cho chị Lê Thị Thu T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc, giáo dục con chung, người trực tiếp nuôi con không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục các cháu.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014.

3.Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; yêu cầu cấp dưỡng theo quy định các Điều 84; Điều 110 ; Điều 117 và Điều 119 Luật Hôn nhân gia đình 2014.

4. Về chia tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lê Thị Thu T phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000740 ngày 24/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil (02);
- Chi Cục THADS huyện Đ;
- UBND xã M, huyện Đắk Mil;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thế Thắng